VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 923 + 924)

MẪU
HỒ SƠ MỜI THẦU
DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Mẫu số 06)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện
I	**Mẫu thuộc E-HSĐXKT**	
1	Mẫu số 01. Giấy ủy quyền	Scan đính kèm trên Hệ thống
2	Mẫu số 02. Thỏa thuận liên danh	
3	Mẫu số 03. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu	
4	Mẫu số 04. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu	
5	Mẫu số 05. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện DVTV	
6	Mẫu số 06: Lý lịch chuyên gia tư vấn	
7	Mẫu số 07: Phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh	Webform trên Hệ thống
8	Mẫu số 08: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV	
9	Mẫu số 09: Tiến độ thực hiện công việc	
10	Mẫu số 10: Đơn dự thầu (hồ sơ đề xuất kỹ thuật)	
II	**Mẫu thuộc E-HSĐXTC**	
11	Mẫu số 11A. Bảng thù lao cho chuyên gia	Webform trên Hệ thống
12	Mẫu số 11B. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia	
13	Mẫu số 12. Chi phí khác cho chuyên gia	
14	Mẫu số 13. Tổng hợp chi phí	
15	Mẫu số 14. Đơn dự thầu (hồ sơ đề xuất tài chính)	

Mẫu số 01

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày____ tháng____ năm____, tại____

Tôi là____ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại____ *[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án____ *[ghi tên dự án]* do____ *[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

[Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn][2].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ *[ghi tên nhà thầu]*. ____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do____ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày____ đến ngày____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ____ bản, người được ủy quyền giữ____ bản, Bên mời thầu giữ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì scan bản gốc giấy ủy quyền đính kèm cùng E-HSDT. Bản gốc của giấy ủy quyền phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục và được người đại diện theo pháp luật của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 02

THỎA THUẬN LIÊN DANH[(1)]

_____, ngày____ tháng____ năm_____

Gói thầu:____ *[ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:____ *[ghi tên dự án]*

Căn cứ[(2)]____ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];*

Căn cứ[(2)]____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];*

Căn cứ E-HSMT_____ *[ghi tên gói thầu]* ngày___ tháng____ năm____ *[ngày được ghi trên E-HSMT];*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh____ *[ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ngày__ tháng____ năm___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu___ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án____ *ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là:____ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã

quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án____ *[ghi tên dự án]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho____ *[ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(3):

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Thành viên sử dụng chứng thư số để tham dự thầu là:____ *[ghi tên thành viên được phân công sử dụng chứng thư số].*

3. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây(4):

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....	....	....	.....
Tổng cộng		**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án____ *[ghi tên dự án]* theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành_____bản, mỗi bên giữ_____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Mẫu số 03

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng_____ *[Ghi số năm]*[1] năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ).

Tên dự án	
Địa điểm thực hiện	
Tên chủ đầu tư	
Tên gói thầu	
Giá hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện)	
Tư cách tham dự thầu (ghi rõ tham dự thầu độc lập hoặc liên danh hoặc nhà thầu phụ)	
Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong hợp đồng (nêu rõ từ ngày.... đến ngày...)	
Thời gian thực tế đã thực hiện (nêu rõ từ ngày... đến ngày..... Trường hợp chậm trễ thực hiện hợp đồng thì nêu rõ lý do)	
Tóm tắt các công việc cụ thể mà nhà thầu đã thực hiện theo hợp đồng	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

[1] *Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với gói thầu đơn giản thì có thể quy định ít hơn 3 năm).*

Mẫu số 04

NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

1.

2.

3.

4.

5.

Mẫu số 05

GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất về kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận

2. Kế hoạch công tác

3. Tổ chức và nhân sự

Mẫu số 06

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Vị trí dự kiến đảm nhiệm:_____

Tên nhà thầu: _____

Họ tên chuyên gia: _____

Nghề nghiệp:_____

Ngày, tháng, năm sinh: _____

Tham gia tổ chức nghề nghiệp:_____

_____

Quá trình công tác:

Thời gian	**Tên cơ quan đơn vị công tác**	**Thông tin tham chiếu**	**Vị trí công việc đảm nhận**
Từ tháng/năm đến tháng/năm	.....	*(nêu tên, điện thoại, email của người được tham chiếu để kiểm chứng thông tin)*	.....

Nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:

Chi tiết nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:	Nêu kinh nghiệm thực hiện những công việc, nhiệm vụ liên quan trước đây để chứng minh khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công
[*Nêu các hạng mục công việc trong Mẫu 9 mà chuyên gia được phân công thực hiện*]	
…	

Năng lực:

[Mô tả chi tiết kinh nghiệm và các khóa đào tạo đã tham dự đáp ứng phạm vi công tác được phân công. Trong phần mô tả kinh nghiệm cần nêu rõ nhiệm vụ được phân công cụ thể trong từng dự án và tên/địa chỉ của chủ đầu tư/bên mời thầu.]

_____

Trình độ học vấn:

[Nêu rõ các bằng cấp liên quan, tổ chức cấp bằng, thời gian học và loại bằng cấp]

_____

Ngoại ngữ:

[Nêu rõ trình độ ngoại ngữ]

_____

Thông tin liên hệ:

[Nêu rõ tên, số điện thoại, e-mail của người cần liên hệ để đối chiếu thông tin]

_____

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày____ tháng___năm_____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 08 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

Mẫu số 07 (Webform trên Hệ thống)

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG VIỆC TRONG THỎA THUẬN LIÊN DANH[1]

Tên nhà thầu liên danh:_____

STT	Tên	Mã số doanh nghiệp	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		- ___	- ___%
2	Tên thành viên thứ 2		- ___	- ___%
....	....		....	.....
Tổng cộng			**Toàn bộ công việc của gói thầu**	**100%**

Ghi chú:

Nhà thầu nhập theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.

Mẫu số 08 (Webform trên Hệ thống)

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/ CMTND	Chức danh bố trí trong gói thầu	Địa điểm làm việc	Số công (người/tháng)					Tổng số tháng công
					Hạng mục công việc 1 (1)	Hạng mục công việc 2 (2)	… [1] (n)	Tại công ty[2]	Tại thực địa[3]	
I. Nhân sự chủ chốt của nhà thầu[4]										
1	*[Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A]*	*[Việt Nam]*	*[Tư vấn trưởng]*	*[Công ty]*	*[2.0 tháng]*	*[1.0 tháng]*				
				[Thực địa]	*[0.5 tháng]*	*[2.5 tháng]*				
2										
…										
II. Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động										
1				*[Công ty]*	*[2.0 tháng]*	*[1.0 tháng]*				
				[Thực địa]	*[0.5 tháng]*	*[2.5 tháng]*				
2										
							Tổng (I + II)			
III. Nhân sự khác										
1				*[Công ty]*						
				[Thực địa]						
2										
…										
							Tổng (III)			
							Tổng cộng			

[1] Liệt kê các hạng mục công việc phải thực hiện trên cơ sở phù hợp với Mẫu số 9 Phần này.

[2] Cột này thể hiện số công của mỗi nhân sự làm việc tại công ty (bằng tổng các cột (1) + (2) +...+ (n)).

[3] Cột này thể hiện số công của mỗi nhân sự làm việc tại thực địa (hiện trường dự án) (bằng tổng các cột (1) + (2) +...+ (n)).

[4] Nhân sự chủ chốt có hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn ký với nhà thầu. Trường hợp sử dụng một số nhân sự chủ chốt không thuộc quản lý của nhà thầu thì kê khai theo Mục II và phải nêu rõ lý do.

Mẫu số 09 (Webform trên Hệ thống)

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc[1]	Tháng thứ[2]							
		1	2	3	4	5	.....	n	Tổng
1	*[Ví dụ: Công việc 1:*								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	*[Ví dụ: Công việc 2:...]*								
...									
n									

Thời gian thực hiện hợp đồng	***(nhà thầu đề xuất và Hệ thống trích xuất ra đơn dự thầu thuộc E-HSĐXKT)***

Ghi chú:

(1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.

(2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Mẫu số 10 (Webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

(thuộc E-HSĐXKT)

Ngày:___ *[tự trích xuất theo thời gian trên Hệ thống]*

Tên gói thầu:___ *[tự trích xuất theo tên gói thầu trong E-TBMT]*

Kính gửi:___ *[tự trích xuất theo tên Bên mời thầu trong E-TBMT]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu:___ *[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];*

- Số đăng ký kinh doanh:___ *[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];*

Cam kết thực hiện gói thầu ____ *[tự trích xuất tên gói thầu theo thông tin trong E-TBMT]* với các thông tin chính như sau:

- Số E-TBMT:___ *[tự trích xuất theo số E-TBMT trong E-TBMT];*

- Thời điểm đóng thầu:___ *[tự trích xuất theo thời điểm đóng thầu trong E-TBMT];*

Thời gian thực hiện hợp đồng là____ *[tự trích xuất từ biểu mẫu dự thầu]*.

Hiệu lực của E-HSĐXKT:____ *[tự trích xuất]*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một E-HSDT này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu đã được ký bằng chữ ký số của đại diện hợp pháp của nhà thầu khi nhà thầu nộp thầu qua mạng.

Mẫu số 11A (Webform trên Hệ thống)

THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ và tên	Chức danh bố trí trong gói thầu	Địa điểm làm việc	Thù lao/tháng - người (1)	Số tháng - người (2)	Thù lao cho chuyên gia (3) = (1) x (2)	Tổng 1 (4)
I	**Nhân sự chủ chốt**						
1			*Công ty*			*(a)*	*(a)+(b)*
			Thực địa			*(b)*	
2			*Công ty*				
			Thực địa				
II	**Nhân sự khác**						
1			*Công ty*				
			Thực địa				
2			*Công ty*				
			Thực địa				
						Tổng cộng	*(A)*

Ghi chú: (1), (2): nhà thầu nhập

(3), (4): hệ thống tự tính

Mẫu số 11B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

Đồng tiền sử dụng:

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Lương cơ bản	Chi phí xã hội[1] % của (3)	Chi phí quản lý chung[10] % của (3)	Cộng =(3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Chi phí trả cho chuyên gia/ tháng =(6)+(7)+(8)	Số tháng - người	Thù lao cho chuyên gia = (9) x (10)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1											
2											
…											
Tổng chi phí											

Ghi chú. Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

[1] Chi phí xã hội, chi phí quản lý chung bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành; chi phí quản lý của đơn vị quản lý, sử dụng chuyên gia... Nhà thầu liệt kê các chi phí này kèm theo các tài liệu chứng minh.

Mẫu số 12 (Webform trên Hệ thống)

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	*[Công tác phí]*	*[Ngày]*			*(1) x (2)*
2	*[Chuyến bay]*	*[Chuyến]*			
3	*[Chi phí liên lạc]*				
4	*[Thiết bị, tài liệu…]*				
5	*[Chi phí đi lại trong nước]*				
6	*[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]*				
7	*[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]*				
				Tổng chi phí	*(B)*

(3): hệ thống tự động tính

Mẫu số 13 (Webform trên Hệ thống)

TỔNG HỢP CHI PHÍ

Hạng mục	**Chi phí**
Thù lao cho chuyên gia	*(A)*
Chi phí khác cho chuyên gia	*(B)*
Thuế các loại	***(C)***
Tổng chi phí *(hệ thống tự động tính)*	*A + B +C*

Mục A và Mục B hệ thống tự trích xuất từ Mẫu số 11a và Mẫu số 12.

Mẫu số 14

ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

(thuộc Hồ sơ đề xuất về tài chính)

Ngày:___ *[tự trích xuất theo thời gian trên Hệ thống]*

Tên gói thầu:___ *[tự trích xuất theo tên gói thầu trong E-TBMT]*

Kính gửi:___ *[tự trích xuất theo tên Bên mời thầu trong E-TBMT]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu:___ *[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];*

- Số đăng ký kinh doanh:___ *[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];*

cam kết thực hiện gói thầu____ *[tự trích xuất tên gói thầu theo thông tin trong E-TBMT]* với các thông tin chính như sau:

- Số E-TBMT:___ *[tự trích xuất theo số E-TBMT trong E-TBMT];*

- Thời điểm đóng thầu:___ *[tự trích xuất theo thời điểm đóng thầu trong E-TBMT];*

theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với tổng số tiền là____ *[Hệ thống tự tổng hợp khi nhà thầu điền giá chào trong các biểu mẫu dự thầu trên Hệ thống]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là:_____ *[Hệ thống tự động tính]*.

Thời gian thực hiện hợp đồng là____ *[tự trích xuất từ biểu mẫu dự thầu]*.

Hiệu lực của E-HSĐXTC:____ *[Hệ thống trích xuất theo E-TBMT]*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một E-HSDT này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu đã được ký bằng chữ ký số của đại diện hợp pháp của nhà thầu khi nhà thầu nộp thầu qua mạng.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.

Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người cần thiết (nếu có).

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV (thông thường không quá 30 ngày, kể từ khi hợp đồng được ký).

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí .

V. Trách nhiệm của bên mời thầu:

Dự kiến khả năng cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của bên mời thầu và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

2. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo Hợp đồng.

3. "Chủ đầu tư" là tổ chức được nêu tại **E-ĐKCT**.

4. "Nhà thầu" là tổ chức cung cấp DVTV cho chủ đầu tư theo quy định của hợp đồng này và được nêu tại **E-ĐKCT**.

5. "Nhà thầu phụ" là nhà thầu ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc đã được dự kiến trong E-HSDT.

6. "Ngày hợp đồng có hiệu lực" là ngày được quy định tại **E-ĐKCT**.

7. "Ngày" là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

8. "Chi phí khác" là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng

1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 3. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại **E-ĐKCT**. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.

2. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của chủ đầu tư, nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng đã ký với chủ đầu tư cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng đó.

Điều 4. Bản quyền

Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.

Điều 5. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng được quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 6. Thanh toán

1. Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo các nội dung quy định tại **E-ĐKCT**.

2. Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu.

Điều 7. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng được nhà thầu và chủ đầu tư thống nhất thông qua hoàn thiện hợp đồng trên cơ sở phù hợp với giá trúng thầu được duyệt và được ghi cụ thể trong hợp đồng.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải điều chỉnh hợp đồng thì trong khoảng thời gian nêu tại **E-ĐKCT** kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

2. Việc điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng và điều kiện quy định tại Điều 5 **E-ĐKCT**.

3. Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được thực hiện trong trường hợp sau đây:

a) Bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của chủ đầu tư và nhà thầu;

b) Thay đổi phạm vi công việc do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp có sự thay đổi về chính sách pháp luật của nhà nước về thuế ảnh hưởng tới giá hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ xem xét tăng, giảm giá hợp đồng một cách tương ứng.

5. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.

Điều 10. Nhân sự

1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 26 Chương I thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.

2. Trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế chuyên gia đó. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại **E-ĐKCT**, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;

b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;

c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);

d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Điều 6 Chương này.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;

b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;

c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);

d) Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;

đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.

Điều 12. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu tại **E-ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại **E-ĐKCT** chỉ được thực hiện khi chủ đầu tư chấp thuận.

2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại **E-ĐKCT**.

3. Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.

4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 13. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng

1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 16 Chương này, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại **E-ĐKCT** tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại **E-ĐKCT**. Khi đạt đến mức tối đa, chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 14 Chương này.

2. Đối với gói thầu tư vấn lập hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu cho gói thầu xây lắp áp dụng loại hợp đồng trọn gói, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự chính xác của số lượng, khối lượng công việc xây lắp. Trường hợp tính toán sai số lượng, khối lượng công việc, nhà thầu chịu trách nhiệm đền bù theo quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 14. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu

1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại **E-ĐKCT**.

2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Khoản 1 Điều này, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

Điều 15. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư

Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 16. Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của một bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các điều kiện thời tiết bất lợi.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện dịch vụ do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 17 Chương này.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **E-ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong **E-ĐKCT**.

Điều 18. Thông báo

1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong **E-ĐKCT**.

2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều	Khoản	Nội dung
1	3	Chủ đầu tư: _____ *[Ghi tên chủ đầu tư]*
	4	Nhà thầu: _____ *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]*
	6	Ngày hợp đồng có hiệu lực: _____ *[Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng...]*
3	1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng:_____ *[Ghi các quy định khác (nếu có)]*
5		Loại hợp đồng: _____ *[Ghi loại hợp đồng áp dụng, đảm bảo phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].*
6	1	- Phương thức thanh toán: _____ *[Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này.* *Việc thanh toán cho nhà thầu có thể quy định bằng tiền mặt, thanh toán bằng thư tín dụng, chuyển khoản.* *Nếu có quy định về tạm ứng cho nhà thầu thì cần nêu rõ giá trị, thời hạn tạm ứng và cách thức hoàn trả tiền tạm ứng phù hợp với quy định của pháp luật.]* - Đồng tiền thanh toán: VNĐ. - Thời hạn thanh toán:_____ *[Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong một khoảng thời gian nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ phục vụ cho việc thanh toán].*
8		Thời gian thực hiện hợp đồng:_____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 1.2 E-BDL, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*
9	1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu:_____ *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh]*

	2	Điều chỉnh hợp đồng:_____ *[Đối với hợp đồng trọn gói thì không được thay đổi kết quả đầu ra và giá hợp đồng. Trường hợp áp dụng loại hợp đồng theo thời gian hoặc trường hợp phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi HSMT thì phải quy định rõ phạm vi điều chỉnh theo quy định của pháp luật].*
10	2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự:_____ *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư].*
12	1	Danh sách nhà thầu phụ:_____ *[Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].*
	2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá:____ giá hợp đồng *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi phần trăm cho phù hợp].*
	4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:_____ *[Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].*
13	1	Mức khấu trừ:_____%/tuần *(hoặc ngày, tháng...)* *[Ghi cụ thể quy định về mức khấu trừ là bao nhiêu % nội dung công việc chậm thực hiện căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].* Mức khấu trừ tối đa:____% *[Ghi mức khấu trừ tối đa]*
	2	Mức đền bù:_____ *[Ghi mức đền bù].*
14	1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:_____ *[Ghi cụ thể những nội dung mà khi nhà thầu vi phạm thì chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng. Ví dụ: nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương].*
15		Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:_____ *[Ghi cụ thể những nội dung mà khi chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng].*
17	2	Giải quyết tranh chấp:_____ *[Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, cơ quan xử lý tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp... Khuyến khích đưa tranh chấp ra giải quyết tại cơ quan trọng tài].*

18	1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư:_____ Điện thoại:_____ Fax:_____ E-mail:_____ - Địa chỉ liên lạc của nhà thầu:_____ Điện thoại:_____ Fax:_____ E-mail:_____

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng hợp đồng DVTV theo loại hợp đồng trọn gói hoặc loại hợp đồng theo thời gian cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong E-ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.

Mẫu số 22

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

____, ngày____ tháng____ năm____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:_____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ[1]_____ *[Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/6/2005 của Quốc hội];*

- Căn cứ[1]_____ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];*

- Căn cứ[1]_____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];*

- Căn cứ Quyết định số_____ ngày_____ tháng____ năm_____ của____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số____ ngày____ tháng_____ năm_____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày_____ tháng____ năm_____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư_____ *[Ghi tên chủ đầu tư]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số___ ngày__ tháng___ năm___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

---

[1] *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

Nhà thầu

Tên nhà thầu_____ *[Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số___ ngày__ tháng__ năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A "Điều khoản tham chiếu".

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;

6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;

7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;

8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B "Nhân sự của nhà thầu" để thực hiện dịch vụ;

3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C "Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu";

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà_____*[Ghi rõ họ tên]* là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:_____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán_____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán nêu tại Điều 6 **E-ĐKCT**

Điều 6. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 1.2 E-BDL, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ_____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 1* ***E-ĐKCT****].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành____ bộ, chủ đầu tư giữ___ bộ, nhà thầu giữ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu	**Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 23

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)

____, ngày____ tháng____ năm____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:_____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ[1]_____ *[Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/6/2015 của Quốc hội];*

- Căn cứ[1]_____ *[Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];*

- Căn cứ[1]_____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];*

- Căn cứ Quyết định số_____ ngày_____ tháng____ năm_____ của____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số____ ngày____ tháng_____ năm_____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày_____ tháng____ năm_____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư_____ *[Ghi tên chủ đầu tư]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số___ ngày__ tháng__ năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

[1] *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

Nhà thầu

Tên nhà thầu_____ *[Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số___ ngày__ tháng__ năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A "Điều khoản tham chiếu".

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;

6. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;

7. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

2. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục B "Dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu"để thực hiện dịch vụ;

3. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự, dự toán kinh phí được liệt kê tại Phụ lục C "Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu";

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà_____ *[Ghi rõ họ tên]* là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:_____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ *(lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại)* như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác ngoài thù lao:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là *[Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán]* cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn[1] dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phôtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được chủ đầu tư phê duyệt.

2. Thời hạn và phương thức thanh toán

Thanh toán theo thời hạn và phương thức thanh toán nêu tại Điều 6 **E-ĐKCT**.

Điều 6. Bảng chấm công

Trong quá trình làm việc, kể cả đi công tác, chủ đầu tư điền vào bảng chấm công hoặc giấy tờ hợp lệ khác để xác định thời gian làm việc của nhà thầu.

Điều 7. Loại hợp đồng

Hợp đồng này áp dụng loại hợp đồng theo thời gian.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nếu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Khoản 2 Mục 1 E-BDL, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ_____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 1* ***E-ĐKCT****].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành____ bộ, chủ đầu tư giữ____ bộ, nhà thầu giữ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu	**Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

[1] Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu

MẪU
YÊU CẦU BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

(Mẫu số 07)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương III. Dự thảo hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá.

Chương này gồm 2 phần: một phần được đính kèm lên Hệ thống dưới dạng file Word/PDF; một phần được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để phát hành yêu cầu báo giá và nộp báo giá trên Hệ thống.

Chương III. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu
VND	đồng Việt Nam
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định số 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014
Thông tư số 07	Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ http://muasamcong.mpi.gov.vn
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu
Webform	Định dạng tài liệu theo dạng biểu mẫu nhập sẵn trên Hệ thống, thông qua mạng internet, tương tác giữa máy tính của người sử dụng và máy chủ của Hệ thống

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong trường hợp nhà thầu tham dự gói thầu xây lắp.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn chào hàng (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá, giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng.

2. Biểu giá theo Mẫu trong Chương II (tùy theo loại gói thầu).

Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá.

2. Có giá chào thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

Mục 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 9 Chương III.

Mục 7. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
I	**Biểu mẫu cho gói thầu mua sắm hàng hóa**	Số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống		
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện		**X**	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		**X**	
3	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ			**X**
4	Mẫu số 03. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			**X**
5	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan			**X**
II	**Biểu mẫu cho gói thầu xây lắp**			
1	Mẫu số 01. Bảng khối lượng mời thầu và tiến độ thực hiện		**X**	

2	Mẫu số 02. Yêu cầu nhân sự chủ chốt		**X**	
3	Mẫu số 03. Bảng đề xuất nhân sự			**X**
4	Mẫu số 04. Bảng tiến độ thực hiện			**X**
5	Mẫu số 05. Bảng tổng hợp giá dự thầu			**X**
6	Mẫu số 06. Cam kết thực hiện gói thầu xây lắp			**X**
III	**Biểu mẫu cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn**			
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện	Số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống	**X**	
2	Mẫu số 02. Bảng đề xuất tiến độ			**X**
3	Mẫu số 03. Bảng tổng hợp giá dự thầu			**X**
IV	**Đơn chào hàng (chung cho 3 loại gói thầu xây lắp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn)**			
1	Đơn chào hàng			**X**

Mẫu số 1A (Webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(gói thầu mua sắm hàng hóa)

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp và tiến độ thực hiện gói thầu. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

Tiến độ thực hiện gói thầu	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Mô tả hàng hóa(1)
1	*Hàng hóa thứ 1*				
2	*Hàng hóa thứ 2*				
...					
n	*Hàng hóa thứ n*				

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu chỉ mô tả các đặc điểm chung, cơ bản nhất tại mục này.

Mẫu số 1B (Webform trên Hệ thống)

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN[1]

Bên mời thầu liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1	*Ghi nội dung dịch vụ 1*				
2	*Ghi nội dung dịch vụ 2*				
..					
n	*Ghi nội dung dịch vụ n*				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu dịch vụ liên quan thì Bên mời thầu không nhập Biểu này trên Hệ thống.

Mẫu số 2 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất
	Trích xuất	

Mẫu số 3 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(nhà thầu đề xuất)

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Xuất xứ, ký mã hiệu, model, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
						(Cột 3 x 6)
1	2	3	4	5	6	7
1	*Hàng hóa thứ 1*					*M1*
2	*Hàng hóa thứ 2*					*M2*
	….					
n	*Hàng hóa thứ n*					*Mn*
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						**(M)**

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 01A

Các cột (5), (6) nhà thầu chào. Cột số (7) Hệ thống tự động tính.

Mẫu số 4 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN(*)
(nhà thầu đề xuất)

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 3 x 7)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	*Ghi nội dung dịch vụ 1*						*I1*
2	*Ghi nội dung dịch vụ 2*						*I2*
..							
n	*ghi nội dung dịch vụ n*						*In*
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) *(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)*							**(I)**

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5), (6) Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 01B

Các cột (7) nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8) Hệ thống tự động tính.

(*): Hệ thống tự động ẩn nếu không sử dụng bảng này

Mẫu số 1 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KHỐI LƯỢNG MỜI THẦU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(gói thầu xây lắp)

Bên mời thầu liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

Tiến độ thực hiện gói thầu	

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Hạng mục 1:**			
1	...			
2	...			
II	**Hạng mục 2:**			
1	...			
2	...			
II	**Hạng mục 3:….**			
1	….			
2	...			

Mẫu số 2 (Webform trên Hệ thống)

YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT
(nếu có)

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về nhân sự chủ chốt cho phù hợp

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu__năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu__năm)	Trình độ chuyên môn (tối thiểu__năm)
1	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*				
2	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*				
…					
3	*[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]*				

Mẫu số 3 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ
(nhà thầu đề xuất)

STT	Tên	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Công việc hiện tại				
					Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ/Điện thoại/ Fax/E-mail của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc	Người xác nhận
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]								
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]								
…									
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]								

Mẫu số 4 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của bên mời thầu và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất
	Trích xuất	

Mẫu số 5 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU GÓI THẦU XÂY LẮP
(nhà thầu đề xuất)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	**Hạng mục 1:**					**A**
1	...					
2	...					
II	**Hạng mục 2:**					**B**
1	...					
2	...					
II	**Hạng mục 3:….**					
1	....					
2	...					
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						**A+B+…**

Ghi chú:

(6) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục, công việc cụ thể. Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột "Mô tả công việc mời thầu". Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

(7) Hệ thống tự động tính.

Mẫu số 6 (Webform trên Hệ thống)

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU XÂY LẮP

(áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

Ngày:___ *[Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]*

Tên gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Tên dự án:_____ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm do_____ *[Ghi tên bên mời thầu]* phát hành, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà thầu]* cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm, nhân sự, thiết bị để thực hiện gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 1 (Webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(Gói thầu dịch vụ phi tư vấn)

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ khối lượng mời thầu và các mô tả dịch vụ với các diễn giải chi tiết (nếu thấy cần thiết).

Tiến độ thực hiện gói thầu	

STT	**Danh mục dịch vụ**	**Mô tả dịch vụ**	**Đơn vị tính**	**Khối lượng**
	1	**2**	**3**	**4**
1	*Hoạt động 1*			
2	*Hoạt động 2*			
...				
n	*Hoạt động n*			

Mẫu số 2 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất
	Trích xuất từ Mẫu số 1	

Mẫu số 3 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU CỦA DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN
(nhà thầu đề xuất)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 5 x 6)
1	2	3	4	5	6	7
1	*Hoạt động 1*					*M1*
2	*Hoạt động 2*					*M2*
	....					
n	*Hàng hóa thứ n*					*Mn*
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						**M**

Ghi chú:

Đơn giá dự thầu tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện hoạt động yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Cột (7) Hệ thống tự động tính

ĐƠN CHÀO HÀNG[(1)]

Ngày:___ *[tự trích xuất theo thời gian trên Hệ thống]*

Tên gói thầu:___ *[tự trích xuất theo tên gói thầu trong E-TBMT]*

Kính gửi:___ *[tự trích xuất theo tên Bên mời thầu trong E-TBMT]*

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu:___ *[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];*

- Số đăng ký kinh doanh:___ *[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];*

cam kết thực hiện gói thầu____ *[tự trích xuất tên gói thầu theo thông tin trong yêu cầu báo giá]* với các thông tin chính như sau:

- Số E-TBMT:___ *[tự trích xuất theo số E-TBMT trong E-TBMT];*

- Thời điểm đóng thầu:___ *[tự trích xuất theo thời điểm đóng thầu trong E-TBMT];*

theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là____ *[Hệ thống tự tổng hợp khi nhà thầu điền giá chào trong các biểu mẫu dự thầu trên Hệ thống]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là___ *[Ghi tỷ lệ giảm giá]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là:_____ *[Hệ thống tự động tính]*.

Thời gian thực hiện hợp đồng là____ *[tự trích xuất theo biểu mẫu dự thầu]*.

Hiệu lực của báo giá:____ *[trích xuất theo E-TBMT]*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 9 Chương IV Dự thảo hợp đồng.

Ghi chú:

(1) Đơn chào hàng đã được ký bằng chữ ký số của đại diện hợp pháp của nhà thầu khi nhà thầu nộp thầu qua mạng.

Chương III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

A. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
(Gói thầu xây lắp)[1]

____, ngày____ tháng____ năm____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ[2]___ *[Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];*

- Căn cứ[2]____ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];*

- Căn cứ[2]____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];*

- Căn cứ___ *[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];*

- Căn cứ Quyết định số___ ngày__ tháng__ năm___ của___ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu___ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số___ ngày___ tháng___ năm____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày____ tháng____ năm____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế: _____

---

[1] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đối với gói thầu có giá trị lớn thì có thể vận dụng Điều kiện hợp đồng nêu tại Mẫu số 01, 02 của Thông tư này.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số____ ngày____ tháng____ năm____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số____ ngày____ tháng____ năm____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:_____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]*.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán_____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...]*.

b) Thời hạn thanh toán_____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật]*.

c) Số lần thanh toán___ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng]*.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng:_____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:___ *[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]*.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng:_____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu]*.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:_____ *[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam]*.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:____ % giá hợp đồng *[Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2% - 3% giá hợp đồng]*.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày____ tháng____ năm____ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp]*.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn:___ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu]*.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong báo giá.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian:___ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế:_____ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ___ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành____ bộ, chủ đầu tư giữ____ bộ, nhà thầu giữ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP **CỦA NHÀ THẦU** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** **CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG
(Kèm theo hợp đồng số_____, ngày____tháng_____năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp].

B. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
(Gói thầu mua sắm hàng hóa)

____, ngày____ tháng____ năm____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:_____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ(2) ___ *[Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];*

- Căn cứ(2)____ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];*

- Căn cứ(2)____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];*

- Căn cứ___ *[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];*

- Căn cứ Quyết định số____ ngày____ tháng____ năm____ của____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số____ ngày____ tháng____ năm____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày____ tháng____ năm____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số____ ngày____ tháng____ năm____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số____ ngày____ tháng____ năm____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]*.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...]*.

b) Thời hạn thanh toán____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật]*.

c) Số lần thanh toán___ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng]*.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng:____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:___ *[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]*.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng:___ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu]*.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:___ *[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam]*.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:____ % giá hợp đồng *[Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2% - 3% giá hợp đồng]*.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày___ tháng___ năm___ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp]*.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn:____ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu]*.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là:_____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo]*.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa:___ *[Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu]*.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:____ *[Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]*. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau:___ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật]*.

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:_____ *[Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...]*.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian:__ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế:___ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ__ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành__ bộ, chủ đầu tư giữ__ bộ, nhà thầu giữ__ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP **CỦA NHÀ THẦU** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** **CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG
(Kèm theo hợp đồng số_____, ngày____ tháng_____ năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]

C. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
(Gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn)

____, ngày____ tháng____ năm____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:_____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ(2)___ *[Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];*

- Căn cứ(2)____ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];*

- Căn cứ(2)____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];*

- Căn cứ___ *[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];*

- Căn cứ Quyết định số____ ngày____ tháng____ năm____ của____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số____ ngày____ tháng____ năm____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày____ tháng____ năm____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số___ ngày____ tháng____ năm____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số____ ngày____ tháng____ năm____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bản chào giá của nhà thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ phi tư vấn như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán___ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].*

b) Thời hạn thanh toán___ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi*

nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].

c) Số lần thanh toán___ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].*

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng:____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:___ *[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu].*

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng:___ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu].*

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:___ *[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam].*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:____ % giá hợp đồng *[Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2% - 3% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày___ tháng___ năm___ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn:____ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].*

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Cung cấp, tiến độ thực hiện, yêu cầu đầu ra

1. Bên B phải cung cấp dịch vụ và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong yêu cầu báo giá, cụ thể là:_____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc bàn giao dịch vụ và các tài liệu, chứng từ kèm theo]*.

2. Yêu cầu về tiến độ thực hiện dịch vụ:___ *[Nêu yêu cầu về tiến độ thực hiện, bao gồm cả địa điểm bàn giao căn cứ theo yêu cầu và tính chất của gói thầu]*.

3. Yêu cầu về đầu ra của dịch vụ phi tư vấn:___ *[Nêu yêu cầu về đầu ra căn cứ theo yêu cầu báo giá]*.

Điều 12. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

2. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ phi tư vấn trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

Điều 13. Phát hiện sai sót, khắc phục sai sót trong thực hiện hợp đồng

1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau:_____ *[nêu cụ thể nguyên tắc và cách thức]*

2. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót là:_____ *[nêu cụ thể thời gian]*.

3. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.

Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Điều 14.

Điều 14. Phạt hợp đồng

Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với_____ *[ghi cụ thể tỷ lệ %]* giá hợp đồng để khắc phục sai sót.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian:__ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế:__ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ__ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành__ bộ, chủ đầu tư giữ__ bộ, nhà thầu giữ__ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số_____, ngày____tháng_____ năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp]

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[1]

____, ngày____ tháng____ năm____

Kính gửi:_____ *[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện *[hàng hóa/xây lắp/dịch vụ phi tư vấn]* cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);[2]

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá *(hoặc hợp đồng)*, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại____ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng[3]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là____ *[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn____ *[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày_____ tháng_____ năm_____[4].

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của___ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu___ *[Ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số__ *[Ghi số hợp đồng]* ngày__ tháng____ năm____ (sau đây gọi là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng